

Bản án số: 25/2018/ DSST

Ngày 05/7/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Đình Đoài

- Hội thẩm nhân dân: 1/ - Ông Nguyễn Ngọc Chúc

2/ - Ông Ngô rô Be

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật – Thư Ký

Tòa án Nhân Dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 05 tháng 7 năm 2018. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2018/ TLST- DS ngày 21 tháng 05 năm 2018 Về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2018/ QĐXXST- DS ngày 13 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Kim C, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: số 252, khu phố B, thị trấn T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: Bà Trương Thị Tố U, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: khu phố B, thị trấn T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Hoàng Thị Kim C trình bày: Nguyên vào ngày 01 tháng 04 năm 2016, bà Hoàng Thị Kim C có cho bà Trương Thị Tố U vay số tiền là 440.000.000đ (bốn trăm bốn mươi triệu đồng), lúc vay giữa hai bên có làm biên nhận nợ ngày 01/4/2016, thời

hạn vay là 08 tháng, lãi suất vay là 1%/tháng, trả lãi vào ngày cuối tháng, nhưng từ lúc bà U vay tiền của tôi thì khi đến hạn thì bà U không đóng lãi và cũng không trả nợ gốc cho tôi. Tôi có đến nhà bà U đòi nợ nhiều lần nhưng bà U chỉ hứa trả nợ mà không thực hiện việc trả nợ cho tôi.

Nay tại phiên tòa tôi yêu cầu giải quyết buộc bà Trương Thị Tố U trả cho tôi số tiền là 440.000.000đ (bốn trăm bốn mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Trương Thị Tố U trình bày: qua lời trình bày của nguyên đơn bà Hoàng Thị Kim C, tôi thừa nhận có vay của bà Hoàng Thị Kim C số tiền là 440.000.000đ (bốn trăm bốn mươi triệu đồng) nhưng lãi suất giữa hai bên thỏa thuận là 2,75%/tháng chứ không phải lãi suất 1%/tháng như bà C trình bày như trên, tôi vay tiền của bà C để lấy tiền cho người khác vay lại với lãi suất là 3%/tháng, lúc ban đầu trong 05 tháng đầu tiên, tôi trả lãi vào tháng 9 và tháng 10 năm 2015 cho bà C là 18.000.000đ (mười tám triệu đồng), qua đến tháng thứ sáu thì bà C lấy lại tiền gốc một ít, nên tôi đóng lãi cho bà C xuống còn 11.000.000đ/tháng, tiếp tục bà C lấy lại tiền gốc một ít, nên tôi đóng lãi cho bà C xuống còn 9.000.000đ/tháng, sau đó tôi kêu bà C hạ lãi suất xuống vì do tôi làm ăn khó khăn thì bà C thỏa thuận lại lãi suất với 2%/tháng và tôi đóng lãi mỗi tháng đầy đủ cho bà C đến tháng 04 năm 2016, lúc tôi đóng lãi cho bà C thì giữa hai bên không có làm biên nhận, vì là chỗ đồng nghiệp nên tin tưởng lẫn nhau, sau đó tôi khám bệnh tại TP.HCM thì tôi biết mình bị bệnh Ung thư, vì vậy tôi phải nhập viện điều trị bệnh đến tháng 03 năm 2017 tôi mới xuất viện, do đó tôi không có đóng lãi cho bà C được. Hiện nay có nhiều người nợ tôi nhưng do tôi bị bệnh nên không thể đi đòi nợ được, vì vậy tôi chưa trả nợ được cho bà C.

Nay tôi thừa nhận còn nợ bà Hoàng Thị Kim C số tiền là 440.000.000đ (bốn trăm bốn mươi triệu đồng) nhưng hiện tại có nhiều người nợ tôi, chưa trả tiền cho tôi, khi nào tôi đòi được nợ thì tôi sẽ trả nợ cho bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền:** Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện dân sự không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa bà Hoàng Thị Kim C và bà Trương Thị Tố U là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005.

Điều 471 Bộ luật dân sự quy định: Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

[2] Xét yêu cầu của bà Hoàng Thị Kim C yêu cầu bà Trương Thị Tố U trả nợ cho bà số tiền là 440.000.000đ (bốn trăm bốn mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì nguyên vào ngày 01/4/2016 bà U có vay của bà C số tiền là 440.000.000đ (bốn trăm bốn mươi triệu đồng), lúc vay giữa hai bên có làm biên nhận ngày 01/4/2016, lãi suất vay thỏa thuận giữa hai bên là 1%/tháng, nhưng từ lúc vay tiền cho đến hiện nay thì bà U không có đóng lãi và trả nợ gốc cho bà C.

Nay bà C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà U trả cho bà số tiền là 440.000.000đ (bốn trăm bốn mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Lời yêu cầu của bà C phù hợp với Điều 471 và Điều 476 Bộ luật dân sự.

Như vậy số tiền lãi trong hạn trong vụ kiện này tính từ ngày 02/4/2016 đến ngày 02/12/2016 là 240 ngày cụ thể như sau: $440.000.000đ \times 0,75\% \times 240 \text{ ngày} = 26.400.000đ$ (hai mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) và số tiền lãi quá hạn được tính từ ngày 03/12/2016 đến ngày xét xử là ngày 27/6/2018 là 577 ngày cụ thể như sau: $440.000.000đ \times 1,125\% \times 577 \text{ ngày} = 95.205.000đ$ (chín mươi lăm triệu hai trăm lẻ năm nghìn đồng). Tổng

cộng tiền gốc và tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn là 561.605.000đ (năm trăm sáu mươi một triệu sáu trăm lẻ năm nghìn đồng).

[3] Xét yêu cầu của bị đơn bà Trương Thị Tố U bà thừa nhận có vay của bà Hoàng Thị Kim C số tiền là 440.000.000đ (bốn trăm bốn mươi triệu đồng) nhưng lãi suất giữa hai bên thỏa thuận là 2,75%/tháng chứ không phải lãi suất 1%/tháng và bà đã đóng lãi đầy đủ cho bà C đến tháng 4 năm 2016, bà U cho rằng hiện tại có nhiều người nợ bà, chưa trả tiền cho bà, bà U yêu cầu khi nào bà đòi được nợ thì bà sẽ trả nợ cho bà C. Lời yêu cầu của bà U thì không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì bà không có chứng cứ gì chứng minh là giữa bà với bà C thỏa thuận lãi suất vay là 2,75%/tháng, ngoài ra tại phiên tòa bà U có đưa ra biên nhận ngày 15/11/2015, bà U có trả lãi vào tháng 9 và tháng 10 năm 2015 cho bà C số tiền là 18.000.000đ (mười tám triệu đồng). Tuy nhiên theo biên nhận ngày 01/04/2016 bà C mới cho bà U vay 440.000.000đ (bốn trăm bốn mươi triệu đồng), do đó việc bà U trả lãi cho bà C 18.000.000đ (mười tám triệu đồng) trước thời điểm vay tiền là không phù hợp về mặt thời gian. Do đó HĐXX không có xem xét. Mặt khác bà U cũng không có chứng cứ gì chứng minh là bà C đã lấy lại một phần tiền gốc đã cho bà vay. Trong vụ án này bà U là người vay tiền của bà C số tiền là 440.000.000đ (bốn trăm bốn mươi triệu đồng), khi đến hạn thì bà U là bên vay phải trả nợ gốc và lãi cho bên cho vay là bà C. Theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005.

Điều 471 Bộ luật dân sự quy định: Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

Chính vì vậy bác lời yêu cầu của bà Trương Thị Tố U.

Về án phí DSST: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của bà Hoàng Thị Kim C được chấp nhận nên bà C không phải chịu án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà C số tiền là 10.800.000đ (mười triệu tám trăm

ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005040 ngày 18/05/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Buộc bà Trương Thị Tố U phải nộp: $20.000.000đ + 4\% \times 161.605.000đ = 26.464.200đ$ (hai mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi bốn ngàn hai trăm đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Áp dụng điều 471, Điều 476 Bộ Luật Dân Sự năm 2005, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Kim C.

3/ Bác yêu cầu của bà Trương Thị Tố U.

4/ Buộc bà Trương Thị Tố U trả cho bà Hoàng Thị Kim C số tiền gốc và lãi là 561.605.000đ (năm trăm sáu mươi một triệu sáu trăm lẻ năm ngàn đồng).

Kể từ ngày bà Hoàng Thị Kim C có đơn yêu cầu Thi hành án nếu bà Trương Thị Tố U không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5/ Về án phí DSST:

- Buộc bà Trương Thị Tố U nộp 26.464.200đ (hai mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi bốn ngàn hai trăm đồng).

- Trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Hoàng Thị Kim C số tiền là 10.800.000đ (mười triệu tám trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005040 ngày 18/05/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho bà Hoàng Thị Kim C và bà Trương Thị Tố U biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Hiệp.
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nông Đình Đoài